TTĐT Cp

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 12/6/2020

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức quản lý và các chế độ đối với người lưu trú tại cơ sở lưu trú trong thời gian chờ xuất cảnh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức quản lý và các chế độ (bao gồm chế độ ăn, mặc, ở, sinh hoạt, liên lạc, thăm gặp, nhận quà, khám bệnh, chữa bệnh, chi phí mai táng) đối với người chấp hành án phạt trục xuất, người nước ngoài bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính là trục xuất và người nước ngoài đã chấp hành xong án phạt tù lưu trú tại cơ sở lưu trú của Bộ Công an trong thời gian chờ làm thủ tục xuất cảnh (gọi chung là người lưu trú).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người lưu trú; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức quản lý, bảo đảm các chế độ đối với người lưu trú. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện và thực hiện các chế độ đối với người lưu trú do ngân sách nhà nước bảo đảm và bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an.

Chương II
TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ CÁC CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI LƯU TRÚ

Điều 4. Tổ chức quản lý người lưu trú

1. Người lưu trú phải ở tập trung tại cơ sở lưu trú và chịu sự quản lý, giám sát của cơ sở lưu trú, được phổ biến Nội quy cơ sở lưu trú và các quy định của pháp luật về quản lý và thực hiện các chế độ đối với người lưu trú. Cơ sở lưu trú tổ chức tiếp nhận, quản lý người có quyết định đưa vào cơ sở lưu trú và bàn giao người lưu trú ra khỏi cơ sở lưu trú theo đúng quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Cơ sở lưu trú thực hiện các quy định về canh gác, dẫn giải, quản lý chặt chẽ người lưu trú trong thời gian lưu trú; xây dựng phương án và tổ chức các biện pháp bảo vệ an toàn cơ sở lưu trú; phối hợp truy tìm người lưu trú bỏ trốn khỏi cơ sở lưu trú; kiểm tra thư, bưu phẩm, tiền mặt, giấy tờ có giá, đồ vật của người lưu trú nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý đồ vật cấm mang vào cơ sở lưu trú; tiếp nhận, trả lời đơn thư, đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến cơ sở lưu trú, người lưu trú và quản lý hồ sơ, cơ sở dữ liệu của người lưu trú theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Công an quy định cụ thể nội quy cơ sở lưu trú và trình tự, thủ tục tiếp nhận, quản lý người có quyết định đưa vào cơ sở lưu trú và bàn giao người lưu trú ra khỏi cơ sở lưu trú.

Điều 5. Xử lý người lưu trú vi phạm Nội quy cơ sở lưu trú

1. Trường hợp người lưu trú vi phạm Nội quy cơ sở lưu trú, chống đối, không chấp hành sự hướng dẫn của cán bộ cơ sở lưu trú thì phải lập biên bản, có người chứng kiến và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cán bộ cơ sở lưu trú giải thích các quy định của pháp luật về việc quản lý và thực hiện chế độ, chính sách đối với người lưu trú, yêu cầu họ chấp hành Nội quy cơ sở lưu trú và mệnh lệnh của cán bộ cơ sở lưu trú; trường hợp cần thiết, cán bộ cơ sở lưu trú tiến hành sử dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để khống chế, cách ly người lưu trú sang phòng riêng, vô hiệu hóa hành vi chống đối của người lưu trú, phòng ngừa, ngăn chặn người lưu trú bỏ trốn, có hành vi gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bản thân, người lưu trú khác hoặc cán bộ cơ sở lưu trú; hủy hoại tài sản của cơ sở lưu trú. Thời gian quản lý tại phòng riêng do Trưởng cơ sở lưu trú quyết định.

Cơ sở lưu trú phải báo ngay cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú để thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi lập hồ sơ thi hành án, Tòa án đã ra quyết định thi hành án (đối với trường hợp người lưu trú là người chấp hành án phạt trục xuất) hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Giám đốc Công an cấp tỉnh nơi lập hồ sơ đề nghị trục xuất (đối với người nước ngoài bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính là trục xuất) để phối hợp, giải quyết và thông báo cho Bộ Ngoại giao để thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mà người đó mang quốc tịch hoặc cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam nơi người đó làm việc; đồng thời, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú thông báo cho thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của người lưu trú đang ở Việt Nam (nếu có) biết, phối hợp động viên, giáo dục, quản lý người lưu trú.

2. Trường hợp hành vi vi phạm của người lưu trú có dấu hiệu tội phạm thì cơ sở lưu trú phải báo ngay cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để khởi tố, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chờ các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền, cơ sở lưu trú phải quản lý chặt chẽ, không để người lưu trú bỏ trốn, tự sát hoặc vi phạm Nội quy cơ sở lưu trú. Đồng thời, thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú để thông báo cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này biết, phối hợp giải quyết.

Điều 6. Chế độ ở đối với người lưu trú

1. Người lưu trú được bố trí ở buồng tập thể theo giới tính (nam, nữ); diện tích chỗ nằm tối thiểu là 03 m^2/người (người lưu trú có con nhỏ ở cùng thì được bố trí chỗ nằm tối thiểu là 04 m^2), có bệ gạch men hoặc giường, có phòng vệ sinh, có chiếu, chăn và màn. Người lưu trú là người đồng tính, người chuyển đổi giới tính, người chưa xác định rõ giới tính có thể được bố trí ở riêng.

2. Người lưu trú mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A và một số bệnh truyền nhiễm nhóm B theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm hoặc người mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình phải được bố trí ở riêng trong phòng cách ly.

Điều 7. Chế độ ăn, mặc đối với người lưu trú

1. Chế độ ăn của người lưu trú được Nhà nước bảo đảm, tiêu chuẩn định lượng mỗi tháng gồm: 17 kg gạo tẻ; 15 kg rau xanh; 01 kg thịt; 01 kg cá; 0,5 kg đường; 0,75 lít nước mắm; 0,2 lít dầu ăn; 0,1 kg bột ngọt; 0,5 kg muối; gia vị khác: tương đương 0,5 kg gạo tẻ; chất đốt: tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than; lương thực, thực phẩm, chất đốt bảo đảm chất lượng và có mức giá

trung bình theo thời giá thị trường tại địa phương. Chế độ ăn trong ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam và 01 ngày Tết cổ truyền dân tộc, 01 ngày Quốc khánh của nước mà người lưu trú mang quốc tịch, người lưu trú được ăn thêm nhưng mức ăn không quá 05 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường. Cơ sở lưu trú có thể quyết định hoán đổi định lượng ăn cho phù hợp với thực tế để người lưu trú có thể ăn hết tiêu chuẩn.

2. Ngoài tiêu chuẩn ăn quy định tại khoản 1 Điều này, người lưu trú được sử dụng quà, tiền của mình để ăn thêm theo quy định của cơ sở lưu trú.

3. Người lưu trú được bảo đảm ăn, uống vệ sinh, an toàn thực phẩm. Cơ sở lưu trú được tổ chức bếp ăn tập thể, định mức dụng cụ cấp dưỡng của một bếp tập thể gồm: Bếp nấu; các loại nồi nấu cơm, nước, thức ăn; chảo, tủ đựng thức ăn, bình đựng nước uống; rổ, rá, bát, đũa, bàn, ghế và các dụng cụ, đồ dùng cần thiết khác phục vụ cho việc nấu ăn, bảo quản thức ăn, đun nước uống và chia đồ ăn cho người lưu trú theo khẩu phần tiêu chuẩn.

4. Chế độ ăn của người lưu trú bị ốm, bị bệnh do Trưởng cơ sở lưu trú quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế. Người lưu trú là nữ trong thời gian mang thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì định lượng ăn được tăng thêm 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường so với định lượng quy định tại khoản 1 Điều này và được hoán đổi theo chỉ định của y sĩ hoặc bác sĩ.

5. Người lưu trú được mang vào cơ sở lưu trú đồ dùng cá nhân thiết yếu để sử dụng theo quy định của Bộ Công an. Trường hợp người lưu trú thiếu quần, áo thì tùy theo thời gian lưu trú, khí hậu theo mùa, được cấp từ một đến hai bộ quần áo bằng vải thường.

Điều 8. Chế độ hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ của người lưu trú

Người lưu trú được hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình phù hợp với điều kiện của cơ sở lưu trú. Cơ sở lưu trú được trang bị một hệ thống truyền thanh nội bộ; mỗi phòng ở được trang bị 01 ti vi và người lưu trú được mượn sách, báo của cơ sở lưu trú. Thời gian hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đọc sách, báo, nghe đài, xem truyền hình của người lưu trú được thực hiện theo Nội quy cơ sở lưu trú.

Điều 9. Chế độ thông tin liên lạc của người lưu trú

1. Người lưu trú được liên lạc bằng điện thoại, nhận, gửi thư cho thân nhân, người đại diện hợp pháp của mình, cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự theo quy định của cơ sở lưu trú; cước phí điện thoại, gửi thư do người lưu trú tự chi trả.

2. Việc liên lạc của người lưu trú được quy định cụ thể như sau:

a) Người lưu trú được gửi mỗi tháng 04 lá thư. Người lưu trú đang bị xác minh, điều tra, xử lý về hành vi phạm tội hoặc có liên quan đến những vụ án khác mà cơ quan thụ lý vụ án có văn bản đề nghị kiểm duyệt chặt chẽ người lưu trú nhận, gửi thư để ngăn chặn người lưu trú trao đổi thông tin với những đối tượng khác các nội dung làm ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, xác minh thì Trưởng cơ sở lưu trú trước khi cho người lưu trú nhận, gửi thư phải trao đổi nội dung cho cơ quan thụ lý biết, thống nhất có cho hay không cho người lưu trú nhận, gửi thư. Trường hợp không cho người lưu trú nhận, gửi thư thì Trưởng cơ sở lưu trú phải lập biên bản, ghi rõ lý do và có trách nhiệm thông báo cho người lưu trú và thân nhân biết.

b) Cơ sở lưu trú phối hợp với cơ quan bưu chính viễn thông địa phương lắp đặt máy điện thoại cố định có dây hoặc không dây và tổ chức cho người lưu trú liên lạc điện thoại trong nước, mỗi tháng 04 lần, mỗi lần không quá 10 phút. Trường hợp cấp bách, căn cứ nội dung đơn trình bày của người lưu trú, Trưởng cơ sở lưu trú xem xét, giải quyết cho người lưu trú được liên lạc điện thoại nhưng không quá 10 phút. Khi liên lạc điện thoại, người lưu trú phải liên lạc đúng số điện thoại và nội dung đã đăng ký. Trưởng cơ sở lưu trú cử cán bộ giám sát chặt chẽ nội dung trao đổi khi người lưu trú liên lạc điện thoại, nếu phát hiện nội dung trao đổi không đúng với đăng ký thì dừng ngay cuộc gọi và giải thích rõ cho người lưu trú biết, trường hợp xét thấy cần thiết phải lập biên bản. Cước phí điện thoại được tính theo giá của cơ quan bưu chính viễn thông và do người lưu trú chi trả từ tiền lưu ký theo hình thức ký sổ hoặc nguồn tài trợ khác nhưng phải được sự đồng ý của Trưởng cơ sở lưu trú.

Người lưu trú đang bị xác minh, điều tra, xử lý về hành vi phạm tội hoặc có liên quan đến những vụ án khác mà cơ quan thụ lý vụ án có văn bản đề nghị kiểm duyệt chặt chẽ người lưu trú liên lạc điện thoại để ngăn chặn người lưu trú thông tin, liên lạc với những đối tượng khác các nội dung làm ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, xác minh thì Trưởng cơ sở lưu trú trước khi cho người lưu trú liên lạc điện thoại phải trao đổi, đề nghị cơ quan thụ lý vụ án phối hợp, kiểm soát chặt chẽ người lưu trú liên lạc điện thoại. Nếu xét thấy người lưu trú trao đổi những nội dung có thể ảnh hưởng đến hoạt động điều tra, xác minh thì Trưởng cơ sở lưu trú thống nhất với cơ quan thụ lý vụ án dừng ngay cuộc liên lạc, lập biên bản, ghi rõ lý do và có trách nhiệm thông báo cho người lưu trú và thân nhân biết.

Điều 10. Chế độ thăm gặp, nhận quà đối với người lưu trú

1. Người lưu trú được gặp thân nhân hoặc người đại diện hợp pháp của mình tại phòng thăm gặp của cơ sở lưu trú. Mỗi tuần được gặp 01 lần, mỗi lần